

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61150429/19355693-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1



Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.501.889.333.246	1.218.475.787.544
110	I. Tiền	5	34.097.098.070	32.823.139.329
111	1. Tiền		34.097.098.070	32.823.139.329
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	4.900.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	4.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		482.229.443.107	360.885.617.856
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	373.386.814.444	326.007.419.444
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	89.341.664.729	9.893.887.776
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	39.471.224.934	33.772.849.639
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(19.970.261.000)	(8.823.019.883)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	34.480.880
140	IV. Hàng tồn kho	8	883.035.305.390	714.275.506.872
141	1. Hàng tồn kho		886.673.509.964	715.840.230.632
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.638.204.574)	(1.564.723.760)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		102.527.486.679	105.591.523.487
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.305.844.300	3.997.643.556
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		98.932.997.720	101.333.383.483
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		288.644.659	260.496.448
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		92.059.588.112	87.736.112.678
210	I. Phải thu dài hạn		2.339.780.000	2.323.780.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.339.780.000	2.323.780.000
220	II. Tài sản cố định		83.693.439.035	84.785.964.920
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	26.511.400.738	27.942.658.327
222	Nguyên giá		51.241.893.495	47.917.186.260
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.730.492.757)	(19.974.527.933)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	57.182.038.297	56.843.306.593
228	Nguyên giá		59.040.982.898	58.509.622.898
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.858.944.601)	(1.666.316.305)
260	III. Tài sản dài hạn khác		6.026.369.077	626.367.758
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		504.409.348	626.367.758
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		56.800.000	-
269	3. Lợi thế thương mại		5.465.159.729	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.593.948.921.358	1.306.211.900.222

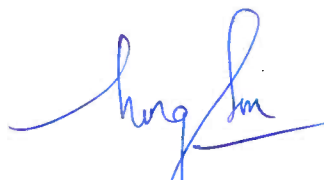
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

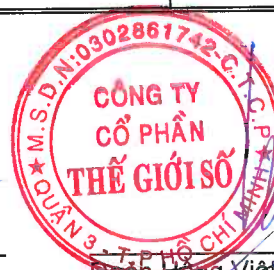
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		904.514.008.399	676.633.327.069
310	I. Nợ ngắn hạn		901.913.565.437	672.579.897.190
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	229.458.672.364	275.889.648.880
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	2.782.186.568	10.236.510.898
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	7.519.696.087	5.628.886.679
314	4. Phải trả người lao động		18.678.842.246	20.109.595.096
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	7.349.130.639	1.135.201.197
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		284.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	14.896.590.517	17.011.020.754
320	8. Vay ngắn hạn	16	620.944.447.016	342.569.033.686
330	II. Nợ dài hạn		2.600.442.962	4.053.429.879
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	2.600.442.962	4.053.429.879
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		689.434.912.959	629.578.573.153
410	I. Vốn chủ sở hữu		689.434.912.959	629.578.573.153
411	1. Vốn cổ phần	17.1	407.517.470.000	306.133.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		407.517.470.000	306.133.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	17.1	61.233.761.416	152.617.941.416
415	3. Cổ phiếu quỹ	17.1	(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	17.1	400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.1	224.199.578.819	176.700.278.903
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		148.980.084.303	109.973.169.673
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		75.219.494.516	66.727.109.230
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18	2.357.039.890	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.593.948.921.358	1.306.211.900.222



Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	3.865.384.888.183	3.843.909.468.369
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(44.441.133.297)	(43.836.052.485)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	3.820.943.754.886	3.800.073.415.884
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	20	(3.546.193.418.488)	(3.559.311.758.622)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		274.750.336.398	240.761.657.262
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	24.486.747.082	19.265.855.640
22	7. Chi phí tài chính	22	(23.869.055.498)	(27.891.556.617)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(22.611.716.336)	(22.795.497.881)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(275.467.140)	-
25	9. Chi phí bán hàng	21	(125.926.800.294)	(98.266.813.253)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(55.721.814.246)	(53.825.894.204)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.443.946.302	80.043.248.828
31	12. Thu nhập khác	23	9.442.738.094	5.939.822.667
32	13. Chi phí khác	23	(3.321.011.096)	(1.699.883.476)
40	14. Lợi nhuận khác	23	6.121.726.998	4.239.939.191
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		99.565.673.300	84.283.188.019
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(21.178.119.405)	(17.556.078.789)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.1	56.800.000	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		78.444.353.895	66.727.109.230
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		79.184.273.811	66.727.109.230
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	18	(739.919.916)	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.982	1.685
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	1.982	1.685



Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng



Boàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		99.565.673.300	84.283.188.019
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		4.800.459.214	4.003.934.985
03	Dự phòng		13.220.721.931	1.696.894.352
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(42.890.431)	395.913.831
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(527.318.304)	(574.266.666)
06	Chi phí lãi vay	22	22.611.716.336	22.795.497.881
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		139.628.362.046	112.601.162.402
09	Tăng các khoản phải thu		(110.925.552.126)	(13.778.194.126)
10	Tăng hàng tồn kho		(154.899.070.695)	(46.264.213.756)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(66.417.508.563)	142.122.354.587
12	Giảm chi phí trả trước		907.689.717	12.334.889.163
14	Lãi vay đã trả		(20.983.421.809)	(23.193.483.167)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.664.402.217)	(18.018.613.431)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(232.353.903.647)	165.803.901.672
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(531.360.000)	(7.495.024.423)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	375.000.000
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		4.900.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(18.872.246.970)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		527.318.304	199.266.666
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.976.288.666)	(6.920.757.757)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu	17.1	10.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	16	2.832.736.574.321	2.691.476.932.074
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(2.567.436.031.596)	(2.794.714.882.911)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	17.2	(27.720.194.600)	(54.492.790.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		247.580.348.125	(157.730.740.837)

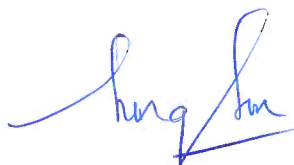
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.250.155.812	1.152.403.078
60	Tiền đầu năm		32.823.139.329	31.668.848.074
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		23.802.929	1.888.177
70	Tiền cuối năm	5	34.097.098.070	32.823.139.329



Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 486 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 400).

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Công ty	Đầu tư	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
					Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty con						
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(3) Công ty TNHH M360.VN	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	Trước hoạt động	100	100
(4) Công ty TNHH CSV Healthcare	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thực phẩm chăm sóc sức khỏe	Trước hoạt động	80	-
(5) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	80	-
Công ty liên kết						
(1) Công ty Cổ phần Digi-infabrica	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin	Trước hoạt động	45	-
(2) Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam	Trực tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Đang hoạt động	25	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những Nhóm thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty đã mua 572.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L ("CL") với giá trị hợp nhất kinh doanh là 12.480.851.100 VND, tương đương 50,3% tỷ lệ sở hữu. Theo đó, C.L đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của C.L vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>VND</i> <i>Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	1.135.009.830
Các khoản phải thu	19.208.195.646
Tài sản ngắn hạn khác	25.873.893
Hàng tồn kho	15.934.208.637
Tài sản cố định	2.254.037.735
Tài sản ngắn hạn khác	68.058.158
	<u>38.625.383.899</u>
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	8.063.291.596
Vay	13.074.870.605
Các khoản phải trả khác	4.110.584.102
	<u>25.248.746.303</u>
Tổng tài sản thuần	<u>13.376.637.596</u>
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất (50,3%)	<u>6.728.051.385</u>
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	5.752.799.715
Tổng chi phí hợp nhất	<u>12.480.851.100</u>

Vào ngày 8 tháng 12, Nhóm Công ty đã mua thêm 344.900 cổ phiếu của C.L, tăng tỷ lệ sở hữu tại C.L từ 50,3% lên 80%. Ảnh hưởng do tăng tỷ lệ sở hữu trong công ty con phát sinh từ nghiệp vụ này được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền là 3.964.779.295 VND. (Thuyết minh số 17.1)

5. TIỀN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	465.677.352	127.165.372
Tiền gửi ngân hàng	33.631.420.718	32.695.973.957
TỔNG CỘNG	<u>34.097.098.070</u>	<u>32.823.139.329</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	99.788.699.006	45.768.488.070
Khác	<u>273.598.115.438</u>	<u>280.238.931.374</u>
TỔNG CỘNG	373.386.814.444	326.007.419.444
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(10.108.031.152)</u>	<u>(8.823.019.883)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>363.278.783.292</u>	<u>317.184.399.561</u>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
XIAOMI H.K Limited.	60.108.424.149	-
Zhuhai Xiaomi Communications Co., Ltd	10.864.174.123	-
Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam	10.000.000.000	-
Khác	<u>8.369.066.457</u>	<u>9.893.887.776</u>
TỔNG CỘNG	<u>89.341.664.729</u>	<u>9.893.887.776</u>
Trong đó:		
<i>Trả trước bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>10.000.000.000</i>	-

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	32.874.099.492
Tạm ứng cho nhân viên	527.438.855	496.558.805
Khác	<u>6.069.686.587</u>	<u>402.191.342</u>
TỔNG CỘNG	39.471.224.934	33.772.849.639
Dự phòng phải thu khác	<u>(9.862.229.848)</u>	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>29.608.995.086</u>	<u>33.772.849.639</u>
Dài hạn		
Ký quỹ	<u>2.339.780.000</u>	<u>2.323.780.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	692.530.709.466	540.219.030.384
Hàng đang đi trên đường	184.219.174.247	151.599.749.460
Hàng gửi đi bán	9.314.160.247	22.447.887.398
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	609.466.004	1.573.563.390
TỔNG CỘNG	886.673.509.964	715.840.230.632
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.638.204.574)	(1.564.723.760)
GIÁ TRỊ THUẦN	883.035.305.390	714.275.506.872

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	2.645.152.763	3.158.474.139
Công cụ, dụng cụ	179.880.778	839.169.417
Khác	480.810.759	-
TỔNG CỘNG	3.305.844.300	3.997.643.556

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Số đầu năm	21.183.180.735	2.145.916.525	21.801.104.571	2.786.984.429	-	47.917.186.260
Tăng từ hợp nhất	-	-	-	-	3.324.707.235	3.324.707.235
Số cuối năm	21.183.180.735	2.145.916.525	21.801.104.571	2.786.984.429	3.324.707.235	51.241.893.495
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	708.237.132	3.780.422.013	2.733.284.429	1.021.873.479	8.243.817.053
Giá trị Khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(6.241.661.415)	(1.112.613.771)	(9.859.861.272)	(2.760.391.475)	-	(19.974.527.933)
Tăng từ hợp nhất	-	-	-	-	(1.070.669.500)	(1.070.669.500)
Khấu hao trong năm	(853.605.094)	(366.465.371)	(3.003.447.091)	(17.900.000)	(78.773.376)	(4.320.190.932)
Giảm khác	-	-	-	-	634.895.608	634.895.608
Số cuối năm	(7.095.266.509)	(1.479.079.142)	(12.863.308.363)	(2.778.291.475)	(514.547.268)	(24.730.492.757)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	14.941.519.320	1.033.302.754	11.941.243.299	26.592.954	-	27.942.658.327
Số cuối năm	14.087.914.226	666.837.383	8.937.796.208	8.692.954	2.810.159.967	26.511.400.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
Mua sắm	531.360.000	-	531.360.000
Số cuối năm	<u>57.081.360.000</u>	<u>1.959.622.898</u>	<u>59.040.982.898</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.448.018.873	1.448.018.873
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(1.666.316.305)	(1.666.316.305)
Hao mòn trong năm	-	(192.628.296)	(192.628.296)
Số cuối năm	-	<u>(1.858.944.601)</u>	<u>(1.858.944.601)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>56.550.000.000</u>	<u>293.306.593</u>	<u>56.843.306.593</u>
Số cuối năm	<u>57.081.360.000</u>	<u>100.678.297</u>	<u>57.182.038.297</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Acer Incorporated	64.369.163.723	-
Asus Global Pte. Ltd.	60.691.530.673	51.938.871.042
Khác	104.397.977.968	223.950.777.838
TỔNG CỘNG	<u>229.458.672.364</u>	<u>275.889.648.880</u>

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mega Alliance Holdings Limited	-	3.916.659.490
Vision Best Holdings Limited	-	3.760.054.645
Khác	2.782.186.568	2.559.796.763
TỔNG CỘNG	<u>2.782.186.568</u>	<u>10.236.510.898</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.258.286.874	21.178.119.405	-	(19.664.402.217)	6.772.004.062
Thuế thu nhập cá nhân	370.599.805	6.637.491.905	20.508.247	(6.408.638.369)	619.961.588
Thuế giá trị gia tăng	-	1.482.998.288	262.102.977	(1.617.370.828)	127.730.437
TỔNG CỘNG	5.628.886.679	29.298.609.598	282.611.224	(27.690.411.414)	7.519.696.087

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại	3.944.893.842	-
Lãi vay	1.566.622.303	478.979.693
Chi phí hoạt động	1.433.551.446	656.221.504
Khác	404.063.048	-
TỔNG CỘNG	7.349.130.639	1.135.201.197

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	1.615.250.671	1.398.035.455
Chi trả hộ	702.896.750	14.487.850.303
Khác	12.578.443.096	1.125.134.996
	14.896.590.517	17.011.020.754
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	2.448.000.000	3.293.000.000
Khác	152.442.962	760.429.879
	2.600.442.962	4.053.429.879

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Tăng từ hợp nhất kinh doanh	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	342.569.033.686	2.832.736.574.321	13.074.870.605	(2.567.436.031.596)	620.944.447.016
Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:					
Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo	
	VND				
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	286.282.643.624	Từ 24 tháng 1 năm 2018 đến 22 tháng 3 năm 2018	Từ 4,2 đến 5,25	Tài sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng trị giá 6 triệu USD	
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	110.500.000.000	Từ 9 tháng 2 năm 2018 đến 28 tháng 2 năm 2018	4,85	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	96.303.210.001	Từ 19 tháng 2 năm 2018 đến 21 tháng 4 năm 2018	5,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND	
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	93.700.000.000	Từ 23 tháng 3 năm 2018 đến 24 tháng 4 năm 2018	Từ 5,3 đến 5,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	27.458.593.391	Từ 30 tháng 3 năm 2018 đến 27 tháng 4 năm 2018	Từ 5,5 đến 5,75	Tin chấp	
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	6.700.000.000	Ngày 27 tháng 3 năm 2018	5,5	Tin chấp	
TỔNG CỘNG	620.944.447.016				

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.665.959.673	608.544.253.923
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	66.727.109.230	66.727.109.230
Số cuối năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	176.700.278.903	629.578.573.153
Năm nay						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	176.700.278.903	629.578.573.153
Giảm do thay đổi quyền sở hữu trong công ty con (Thuyết minh số 4)	-	-	-	-	(3.964.779.295)	(3.964.779.295)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(27.720.194.600)	(27.720.194.600)
Lợi nhuận thuần trong năm	91.384.180.000	(91.384.180.000)	-	-	79.184.273.811	79.184.273.811
Phát hành cổ phiếu thưởng (*)	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP (**)	407.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	224.199.578.819	687.077.873.069
Số cuối năm	407.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	224.199.578.819	687.077.873.069

(*) Vào ngày 10 tháng 1 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 9.138.418 cổ phiếu thưởng với giá trị là 91.384.180.000 VND cho cổ đông hiện hữu, theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016 số 02/04-2016/HĐCĐ-DGW ngày 26 tháng 4 năm 2016 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/11-2016/HĐQT-DGW ngày 21 tháng 11 năm 2016. Vào ngày 6 tháng 2 năm 2017, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 397.517.470.000 VND.

(**) Vào ngày 22 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") trong Công ty và các công ty con mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 10.000.000.000 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/04-2017/HĐCĐ-DGW ngày 28 tháng 4 năm 2017. Vào ngày 10 tháng 1 năm 2018, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 407.517.470.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố	27.720.194.600	54.492.790.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	27.720.194.600	54.492.790.000

17.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	40.751.747	30.613.329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	40.751.747	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.751.747	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	40.600.278	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.600.278	30.461.860

18. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND
	Năm nay
Số đầu năm	-
Tặng từ hợp nhất	6.648.586.211
Lỗ thuần trong năm	(739.919.916)
Chuyển lợi ích của cổ đông thiểu số sang Nhóm Công ty	<u>(3.551.626.405)</u>
Số cuối năm	<u>2.357.039.890</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.865.384.888.183	3.843.909.468.369
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	3.843.609.439.080	3.829.535.070.334
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.775.449.103	14.374.398.035
Các khoản trừ doanh thu	(44.441.133.297)	(43.836.052.485)
DOANH THU THUẦN	<u>3.820.943.754.886</u>	<u>3.800.073.415.884</u>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	3.799.168.305.783	3.785.699.017.849
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.775.449.103	14.374.398.035

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	18.881.816.042	12.769.934.105
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.697.038.830	5.359.039.009
Lãi tiền gửi ngân hàng	527.318.304	908.694.666
Khác	380.573.906	228.187.860
TỔNG CỘNG	<u>24.486.747.082</u>	<u>19.265.855.640</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.536.716.140.656	3.555.309.386.192
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.477.277.832	4.002.372.430
TỔNG CỘNG	<u>3.546.193.418.488</u>	<u>3.559.311.758.622</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	125.926.800.294	98.266.813.253
Chi phí nhân công	52.073.987.575	54.203.102.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.126.776.021	7.527.826.101
Khác	56.726.036.698	36.535.884.447
Chi phí quản lý doanh nghiệp	55.721.814.246	53.825.894.204
Chi phí nhân công	28.215.275.202	29.496.915.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.657.542.405	19.426.128.871
Khác	14.848.996.639	4.902.849.997
TỔNG CỘNG	<u>181.648.614.540</u>	<u>152.092.707.457</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay phải trả	22.611.716.336	22.795.497.881
Lỗ chênh lệch tỷ giá	688.469.289	4.509.057.214
Chiết khấu thanh toán	-	297.487.271
Khác	568.869.873	289.514.251
TỔNG CỘNG	<u>23.869.055.498</u>	<u>27.891.556.617</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.442.738.094	5.939.822.667
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	7.729.880.132	5.914.881.777
Khác	1.712.857.962	24.940.890
Chi phí khác	(3.321.011.096)	(1.699.883.476)
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	(1.546.197.699)	(1.205.841.743)
Tiền phạt thuế và phạt khác	(1.248.271.485)	-
Các khoản chi phí khác	(526.541.912)	(494.041.733)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>6.121.726.998</u>	<u>4.239.939.191</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	3.543.591.636.657	3.559.815.014.525
Chi phí nhân công	80.289.262.777	83.687.011.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.417.905.064	26.463.705.578
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	4.800.459.214	4.003.934.985
Chi phí khác	69.742.769.316	37.434.799.459
TỔNG CỘNG	<u>3.727.842.033.028</u>	<u>3.711.404.466.079</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.756.842.479	17.553.971.789
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	421.276.926	2.107.000
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(56.800.000)	-
TỔNG CỘNG	<u>21.121.319.405</u>	<u>17.556.078.789</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>99.565.673.300</u>	<u>84.283.188.019</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	19.913.134.660	16.856.637.603
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):</i>		
Lỗi của các công ty con	437.640.414	99.217.789
Chi phí không được khấu trừ thuế	236.645.980	604.922.235
Phân bổ lợi thế thương mại	57.527.997	-
Lỗi từ công ty liên kết	55.093.428	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	(6.805.838)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	421.276.926	2.107.000
Chi phí thuế TNDN	<u>21.121.319.405</u>	<u>17.556.078.789</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Digi-infofabrica	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Chi phí thuê văn phòng	113.439.554 90.938.182	- -

Các khoản phải trả bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam	Công ty liên kết	Trả trước dịch vụ	<u>10.000.000.000</u>	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

VND		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	<u>2.628.665.154</u>	<u>3.844.176.600</u>

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	79.184.273.811	66.727.109.230
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	39.956.442	39.600.278
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	<u>1.982</u>	<u>1.685</u>

(*) Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh do việc phát hành thêm cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trong tháng 1 năm 2017.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm nay và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

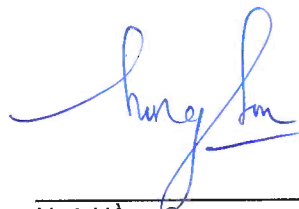
	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	3.723.535.000	4.943.407.752
Từ 1 đến 5 năm	678.000.000	6.344.203.980
TỔNG CỘNG	<u>4.401.535.000</u>	<u>11.287.611.732</u>

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018